

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 4 - 2022

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Chúc L, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn L1, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp PN, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Chúc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh L1 chung sống năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Trương Kim Y, sinh ngày 14/8/2015 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Văn L1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống cũng có mâu thuẫn, gia đình có hòa giải hàn gắn. Nay anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con như chị L trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý theo yêu cầu của chị L về nuôi con và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Chúc L khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Trương Văn L1 là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Ly có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh L1.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2014, chị L và anh L1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị L xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn, nhưng anh L1 không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ. Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra, việc này được anh L1 thừa nhận.

Thấy rằng: Anh L1 là người yêu cầu được đoàn tụ, nhưng chị L cương quyết không đồng ý. Ngoài những lời hứa hẹn không được chị L chấp nhận thì anh L1 không có biện pháp gì để thuyết phục chị L đoàn tụ. Đồng thời, chị L xác định chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh L1, chị tha thiết yêu cầu được ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Y chưa tròn 07 tuổi, hiện sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng, anh L1 đồng ý. Như vậy, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của cháu Y nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị L, anh L1 tự thỏa thuận về tài sản chung, đồng thời vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Chúc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Chúc L được ly hôn với anh Trương Văn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Kim Y, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Lê Chúc L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Lê Chúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012112 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Lê Chúc L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

